TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2018/DS-PT
Ngày: 11/4/2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Trung Trực**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Liên Anh**

Ông **Nguyễn Quốc Thái**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thanh Hà** – Thư ký Toà án nhân nhân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Trần Lương Tuấn** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2017/TLPT-DS ngày 12/12/2017 về việc *"tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16A/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2018/QĐ - PT ngày 23 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 67/2018/QĐ - PT ngày 03 tháng 4 năm 2018 giữa:

- Ng đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. Hộ khẩu thường trú: Khu 4, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Khu 7, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ng đơn: Luật sư Đỗ Xuân Đ – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Lion, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đức – Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân L – Trưởng phòng tài Ng và môi trường huyện Hoài Đức.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995.

4. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997.

Cùng trú tại: Khu 4, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị T là ông Nguyễn Văn H.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Minh Hồng, xã M, huyện B, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã K, huyện H, thành phố H.

6. Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1956.

7. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962.

Cùng trú tại: Khu 3, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội.

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Trú tại: Thôn L, xã K, huyện H, thành phố H.

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố H.

Tại phiên tòa có mặt: bà M, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà M: Luật sư Đỗ Xuân Đ, ông H, bà L, bà T; vắng mặt: anh T, chị T, bà H, ông Q, ông V, bà N.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị M là Ng đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ và tại phiên toà, Ng đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Về huyết thống: Bố bà là cụ Nguyễn Văn D, chết năm 1985; mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Ng, chết năm 2009. Bố mẹ bà sinh được 07 (bảy) người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1956; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; Nguyễn Thị M (là bà), sinh năm 1971. Ngoài những người này ra, bố mẹ bà không còn con đẻ, con nuôi nào khác. Ông bà nội ngoại của bà đã mất từ lâu, mất trước bố mẹ bà.

Về di sản: Bố mẹ bà có khối di sản là diện tích đất 73m^2 tại khu 4, thị trấn T, huyện H, Hà Nội, tài sản trên đất gồm có 03 gian nhà lợp ngói, 01 bếp lợp ngói, 01 giếng khơi, 01 bể lọc, sân gạch, cổng sắt.

Khi bố mẹ bà mất đi không để lại di chúc; Bà ở cùng vợ chồng ông H, bà L.

Năm 2009, hộ ông H và bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi ông H làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, bà không được thông báo gì.

Năm 2011, sau khi bà có đơn đề nghị UBND thị trấn Trạm Trôi hòa giải việc phân chia thừa kế. Tại buổi H giải, ông H có nhận làm 01 gian nhà cho bà trên thửa đất đó nên bà để cho vợ chồng anh H phá nhà cũ, xây dựng nhà mới.

Tuy nhiên, sau khi xây dựng nhà xong, vợ chồng anh H không cho bà ở cùng. Bà tiếp tục làm đơn đến UBND thị trấn Trạm Trôi để hòa giải. Ông H đã cho bà về nhà. Nhưng sau đó, anh em lại tiếp tục có xô sát, việc hòa giải không thành, phải đi ở nơi khác.

Bà đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị:

- Chia thừa kế đối với thửa đất số 362, tờ bản đồ số 07, diện tích 73m^2 tại địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội hiện nay đang do vợ chồng ông H và bà L quản lý theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L vì cấp là sai.

Nếu chia thừa kế, bà đề nghị nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là đất vì hiện nay bà không có chỗ ở.

Ngoài ra, bà không có bất cứ yêu cầu chia thừa kế đối với các tài sản khác của bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị Ng để lại nữa.

** Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Về huyết thống: Bố ông là cụ Nguyễn Văn D, chết năm 1985; mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Ng, chết năm 2009. Bố mẹ ông sinh được 07 (bảy) người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1956; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Văn H (là ông), sinh năm 1969; Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. Ngoài những người này ra, bố mẹ ông không còn con đẻ, con nuôi nào khác. Ông bà nội ngoại của ông đã chết từ lâu, trước bố mẹ ông.

Về di sản: Sau khi bố mẹ ông chết, không để lại di chúc. Bố mẹ ông có khối di sản là diện tích đất 73m^2 tại khu 4, thị trấn T, huyện H, Hà Nội. Tài sản trên đất gồm có 03 gian nhà lợp ngói, 01 bếp lợp ngói, 01 giếng khơi, 01 bể lọc, sân gạch, cổng sắt. Toàn bộ tài sản trên đất vợ chồng ông đã phá dỡ để xây dựng lại nhà và các công trình trên đất như hiện nay. Vì vậy di sản của bố mẹ ông để lại chỉ là quyền sử dụng đất có diện tích thực tế là 72,2m^2. Nguồn gốc thửa đất này là do các cụ đời trước để lại cho bố mẹ ông.

Trước khi mẹ ông chết, mẹ ông có nói miệng là để lại khối tài sản này cho ông vì các anh chị em khác đã có phận riêng, được chia riêng, chỉ có cô M còn độc thân.

Trước đây, cô M có ở cùng gia đình ông và mẹ khi còn sống. Khi mẹ ông chết, anh em có mâu thuẫn, cô M đã dọn ra ngoài ở riêng.

Khi vợ chồng ông xây nhà, cô M không có ý kiến gì, không đóng góp gì vào việc xây dựng nhà của gia đình ông.

Khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông kê khai nên được ỦY ban nhân dân huyện H cấp theo quy định của pháp luật. Khi đó, mẹ ông đã chết, tất cả các anh chị em không có ý kiến gì.

Hiện nay, gia đình ông gồm ông, vợ ông là Nguyễn Thị L và các con là Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh T đang sinh sống trên đất, ngoài ra không còn ai khác nữa. Anh T và chị T có văn bản ủy quyền cho ông giải quyết toàn bộ vụ án thì ông nhận sự ủy quyền này.

Nay, bà M có yêu cầu khởi kiện, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2017 và các tài liệu chứng cứ đã cung cấp cho Toà án, bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà là vợ ông Nguyễn Văn H, bà hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông H là chồng bà. Hiện nay tài sản bà M đang tranh chấp đã được mẹ chồng bà cho vợ chồng bà và đã được ỦY ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L.

Bà xin ủy quyền toàn bộ cho chồng bà là ông Nguyễn Văn H giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp và bà xin vắng mặt tại Tòa. Hiện nay, gia đình bà gồm bà là Nguyễn Thị L, chồng bà là ông Nguyễn Văn H và các con là Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh T đang sinh sống trên đất, ngoài ra không còn ai khác nữa.

** Tại biên bản lấy lơi khai ngày 15/6/2017 và các tài liệu chứng cứ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh Q trình bày:*

Về huyết thống: Bố ông là cụ Nguyễn Văn D, mất năm 1986; mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Ng, mất năm 2009. Bố mẹ ông sinh được 07 (bảy) người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Ông Nguyễn Mạnh Q (là ông), sinh năm 1956; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. Ngoài những người này ra, bố mẹ ông không còn con đẻ, con nuôi nào khác. Ông bà nội ngoại của ông đã mất từ lâu, mất trước bố mẹ ông.

Về di sản: Bố mẹ ông có khối di sản là diện tích đất 70m^2 tại khu 4, thị trấn T, huyện H, Hà Nội. Nguồn gốc thửa đất này là do các cụ đời trước để lại cho bố mẹ ông. Khi mẹ ông còn sống, mẹ ông sinh sống trên đất đó cùng em trai ông là ông H và em gái là bà M. Khi các ông bà còn bé, tất cả các anh chị em ông đều sinh sống với bố mẹ tại thửa đất đó. Khi trưởng thành mỗi người mới tách ra ở một chỗ khác nhau. Bố mẹ ông trước khi chết chưa từng định đoạt cho ai thửa đất đó. Khi ông H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của bố mẹ để lại thì ông không biết. Sau đó ông H và bà M có mâu thuẫn, ông H đuổi bà M ra khỏi nhà, bà M đã rời khỏi nhà đó từ thời điểm năm 2009

khi mẹ ông chết. Ông không đồng tình với việc gia đình ông H đuổi cô M nhưng ông H không nghe vì cho rằng ông H và bà L (vợ ông H) có quyền đã đứng tên trên sổ đỏ. Sau đó gia đình ông có họp tất cả các anh chị em giải quyết cho cô M, cụ thể: Vợ chồng ông H bỏ ra 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và kỷ phần đất của ông do ông V bán, ông yêu cầu trích cho cô M 100.000.000đ. Đây là số tiền hỗ trợ để cô M mua, tìm nơi ở khác, tuy nhiên cô M không đồng ý.

Đối với tài sản trên thửa đất hiện nay là nhà cửa, các công trình xây dựng là do gia đình ông H bỏ chi phí xây dựng. Thời điểm ông H xây dựng nhà, ông có biết nhưng không có ý kiến gì. Ông cũng như các chị em khác không ai đóng góp gì vào việc xây dựng các công trình trên thửa đất bố mẹ ông để lại.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu ông được hưởng di sản thì ông đề nghị được nhận kỷ phần của mình bằng giá trị, trường hợp các em ông có ý kiến đề nghị với ông thì ông sẽ xem xét sau. Hiện nay do tuổi ông đã cao đi lại không thuận tiện, ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án các cấp. Ông cũng xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án tại Tòa án các cấp, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 13 tháng 2 năm 2017 và các tài liệu chứng cứ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về huyết thống: Bố bà là cụ Nguyễn Văn D, mất năm 1985; mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Ng, mất năm 2009. Bố mẹ bà sinh được 07 (bảy) người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị H (là bà), sinh năm 1952; Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1956; Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. Ngoài những người này ra, bố mẹ bà không còn con đẻ, con nuôi nào khác. Ông bà nội ngoại của bà đã mất từ lâu, mất trước bố mẹ bà.

Về di sản: Khi còn sống bố mẹ bà có 01 thửa đất rau đã cho ông V và 01 thửa đất ở hiện nay đang do vợ chồng anh H, chị L đang ở. Khi mẹ bà còn sống đã cho vợ chồng ông H, bà L thửa đất ở này, hiện nay thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông H, bà L.

Bản thân bà không yêu cầu gì về quyền lợi của bố mẹ bà để lại, để phần đất bố mẹ để lại cho anh H, chị L làm nơi thờ cúng bố mẹ. Khi Tòa án tiến hành H giải, xét xử vụ kiện bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp. Bà chỉ ở nhờ tại Lai Xá, Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội, còn nơi ở chính của bà hiện nay vẫn là Minh Hồng, Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội. Bà xin ủy quyền toàn bộ cho anh H giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 2 năm 2017 và các tài liệu chứng cứ và tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn V trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang tranh chấp là của bố mẹ ông để lại, hiện nay thửa đất này đang do vợ chồng ông H, bà L sử dụng.

Bố ông là cụ Nguyễn Văn D, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Ng, quá trình chung sống bố mẹ ông có duy nhất 01 thửa đất là thửa đất số 362, tờ bản đồ số 7, diện tích 73 m^2 ở Khu 4, Thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội. Thửa đất hiện nay ông đang ở là đất trồng rau ông đổi tiêu chuẩn ruộng từ đồng về. Thửa đất ông Q đang quản lý là của các cụ để lại.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bản thân ông không tranh chấp quyền sử dụng thửa đất hiện nay đang do ông H quản lý, ông không yêu cầu quyền lợi gì đối với thửa đất này. Trước đây họp gia đình ông có nhất trí cho cô M 100.000.000đ, số tiền này ông đã đưa cho các anh em ông, sau này số tiền này ông vẫn sẽ để hỗ trợ cô M, hiện nay ông cũng không biết số tiền này ai đang quản lý, ông sẽ hỏi lại sau. Phần quyền lợi của ông nếu ông được hưởng ông đề nghị Tòa giao cho ông H, ông không có ý kiến gì khác. Khi Tòa án tiến hành H giải, xét xử vụ kiện ông xin vắng mặt tại tòa.

**Tại bản tự khai ngày 13 tháng 2 năm 2017 và các tài liệu chứng cứ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Về huyết thống: Bố bà là cụ Nguyễn Văn D, mất năm 1985; mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Ng, mất năm 2009. Bố mẹ bà sinh được 07 (bảy) người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1956; Bà Nguyễn Thị T (là bà), sinh năm 1960; Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; Nguyễn Thị M, sinh năm 1971. Ngoài những người này ra, bố mẹ bà không còn con đẻ, con nuôi nào khác. Ông bà nội ngoại của bà đã mất từ lâu, mất trước bố mẹ bà.

Về di sản: Khi còn sống bố mẹ bà có 03 thửa đất: Thửa 1: xóm Trong, ông Q đang ở; Thửa 2: ông V đang ở và 01 thửa đất ở hiện nay đang do vợ chồng anh H chị L đang ở.

Hiện nay, bà M đang khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ bà để lại đối với thửa đất ông H đang ở thì bà không nhất trí.

Bản thân bà không yêu cầu gì về quyền lợi của bố mẹ bà để lại, để phần đất bố mẹ để lại cho anh H, chị L làm nơi thờ cúng bố mẹ. Khi tòa án tiến hành H giải, xét xử vụ kiện bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 6 năm 2017 và các tài liệu chứng cứ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Về huyết thống: Bố bà là cụ Nguyễn Văn D, mất năm 1985; mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Ng, mất năm 2009.

Về di sản: Khi mẹ bà còn sống mẹ bà có đứng tên 01 thửa đất tại Khu 4, Thị Trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, thành phố Hà Nội, thửa đất này hiện nay đang do vợ chồng anh H chị L đang ở. Bố mẹ bà chết không để lại di chúc.

Đối với tài sản trên thửa đất là nhà cửa các công trình xây dựng là do gia đình ông H bỏ chi phí xây dựng. Thời điểm ông H xây dựng nhà bà có biết nhưng không có ý kiến gì. Bà cũng như các anh chị em khác không ai đóng góp gì vào việc xây dựng các công trình trên thửa đất bố mẹ bà để lại.

Nay em bà là chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản hiện nay do anh H quản lý, bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật

Do bà đã đến Tòa làm việc nhiều lần nhưng thường xảy ra vấn đề anh chị em mâu thuẫn. Đến nay do bà bận công việc, bà xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp, H giải tại tòa án các cấp. Bà cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà tại phiên tòa các cấp. Đề nghị Tòa án giữ Ng lời khai của bà.

** Tại bản tự khai, giấy ủy quyền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thanh T trình bày:*

Các anh, chị là con của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L, anh chị hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bố các anh chị là ông H. Do điều kiện công việc, anh chị xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Toà án các cấp.

** Tại công văn số 246 ngày 01/9/2017và các tài liệu chứng cứ cung cấp choToà án đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện Hoài Đức ông Nguyễn Xuân L - Trưởng phòng Tài Ng và Môi trường huyện Hoài Đức có quan điểm:*

Ông là đại diện theo Giấy uỷ quyền số 76/GUQ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND huyện Hoài Đức, phòng Tài Ng và môi trường huyện cung cấp toàn bộ Hồ sơ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 580712 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 10/12/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị L tại Khu 4, Thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội.

Đối với yêu cầu của các đương sự liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị L, Phòng tài Ng và môi trường khẳng định đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Pháp luật trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đề nghị Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông xin vắng mặt tại Toà trong suốt quá trình xét xử giải quyết vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 16A/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã quyết định:

Áp dụng các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 26, 35, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 14, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009 - PL - UBTVQH - 12 ngày 27/02/2009;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị Ng.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ D là năm 1985 và thời điểm mở thừa kế của cụ Ng là năm 2009, chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị Ng để lại theo pháp luật.

3. Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị Ng để lại có giá trị là: 577.600.000đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ D và cụ Ng gồm: Bà H, ông Q, ông V, bà T, bà N, ông Hoà và bà M.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H, ông V và bà T nhường kỷ phần của mình cho ông Hoà.

6. Giao ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị L sở hữu toàn bộ tài sản gồm nhà 2 tầng 1 tum, sân gạch, bể nước, tường rào và quyền sử dụng diện tích đất 72,2 m^2 thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 7, địa chỉ Khu 4, Thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội có tổng giá trị là: 1.493.578.000đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

7. Ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị N mỗi người là: 82.515.000đ (Tám mươi hai triệu năm trăm M lăm nghìn đồng).

Ông Hoà, bà L có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 580712 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 10/12/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị L tại Khu 4, Thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm bà Nguyễn Thị M là Ng đơn đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Ng đơn vẫn giữ Ng yêu cầu khởi kiện và là người kháng cáo vẫn giữ Ng kháng cáo, trình bày thêm yêu cầu và không xuất trình thêm được tài liệu chứng cứ nào khác. Bà N có đơn nhường kỷ phần của mình cho bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật;

- Đơn kháng cáo của bà M trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ;

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm ghi nhận bà M được hưởng 02 kỷ phần thừa kế do bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho bà M, ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông H cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bà M nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác là anh T, chị T, bà H, ông Q, ông V, bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ và khoản 2, khoản 3 Điều 296 Hội đồng Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ng đơn là ông Đỗ Xuân Đ trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để xét xử lại với lý do: Bản án sơ thẩm xác định sai yêu cầu khởi kiện, xác định thiếu di sản thừa kế; quá trình giải quyết sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ di sản bao gồm những tài sản nào, dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để; Tòa án sơ thẩm chấp nhận mức định giá quá thấp đối với giá trị quyền sử dụng đất so với mức thị trường gây thiệt hại nghiêm trọng cho Ng đơn. Tuy nhiên Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ng đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho luận cứ của mình. Hội đồng xét xử xét các vấn đề sau:

[1]. Về yêu cầu phân chia di sản thừa kế:

Các đương sự thừa nhận thời điểm mở thừa kế của cụ D là năm 1985 và thời điểm mở thừa kế của cụ Ng là năm 2009 và hàng thừa kế thứ nhất gồm Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Mạnh Q, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị M.

Việc phân chia di sản thừa kế:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự tại cấp phúc thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được ở cấp sơ thẩm thấy: Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang có tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M với ông Nguyễn Văn Hoà đo đạc thực tế là 72,2m^2 đất.

Sau khi ông Hoà kết hôn với bà L thì được cụ Ng cho ở cùng tại đây. Bà M là con út của cụ D, cụ Ng, không kết hôn với ai nên ở cùng cụ D, cụ Ng và vợ chồng ông Hoà, bà L. Sau khi cụ D, cụ Ng chết, ông H, bà L tiến hành kê khai và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009. Tòa án sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất tại thửa đất số

362, tờ bản đồ số 07, diện tích 72,2m^2 có giá trị 577.600.000 đồng tại địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ D, cụ Ng để lại là đúng.

Cụ D, cụ Ng chết không để lại di chúc nên di sản được chia đều cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Tài sản trên đất là do ông H, bà L xây dựng trên đất nên được xác định thuộc sở hữu của ông H, bà L.

Việc phân chia di sản thừa kế của cấp sơ thẩm phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Đối với yêu cầu chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất hiện nay đang tranh chấp có diện tích 72,2m^2, vợ chồng ông Hoà, bà L đã xây dựng nhà 2 tầng 1 tum kiên cố và một số tài sản khác trên diện tích đất (phần công trình ông H, bà L xây gần hết đất). Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản, chia tài sản cho những người hưởng thừa kế theo kỷ phần là đúng, vì vậy khi xét kỷ phần bà Nguyễn Thị M được nhận giá trị nhỏ nên không thể phân chia bằng hiện vật được, mặt khác còn để tránh xung đột, mâu thuẫn trong nội bộ gia đình vì bà M và ông H nhiều lần xung đột, va chạm, mâu thuẫn rất trầm trọng, nên phân chia di sản thừa kế cho bà M bằng giá trị, giao toàn bộ quyền sử dụng đất và các công trình trên đất cho ông Hoà và bà L, ông Hoà và bà L có trách nhiệm thanh toán giá trị cho các thừa kế khác là phù hợp với pháp luật và thực tế sử dụng đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ng đơn nêu ý kiến không chấp nhận kết quả định giá di sản thừa kế vì quá thấp nhưng không đưa ra căn cứ đối với việc này và trong quá trình tố tụng cũng không yêu cầu cấp phúc thẩm định giá lại nên không có căn cứ chấp nhận.

Bà M yêu cầu định giá tài sản là nhà ba gian, bếp, bể nước…do bố mẹ bà để lại đã bị phá dỡ, xét tài sản trên đất đã bị phía ông H phá dỡ để xây nhà mới và theo lời khai của bà M có trong hồ sơ là đồng ý phá dỡ tài sản để xây nhà mới. Như vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này.

Bà H, ông V, bà T tự nguyện nhường kỷ phần mình được hưởng cho ông Hoà, sự tự nguyện của các ông bà là phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Bà Nguyễn Thị N có đơn đề ngày 11/4/2018 gửi cấp phúc thẩm (do luật sư Đảm nộp) đề nghị nhường kỷ phần của bà N cho Ng đơn là bà M và chia bằng hiện vật để bà M ổn định cuộc sống; xét bà N là đương sự khác không kháng cáo, không tham gia phiên tòa phúc thẩm để trình bày, vì vậy chưa có đủ căn cứ để ghi nhận sự kiện pháp lý này nên giữ Ng quyết định như án sơ thẩm đối với kỷ phần của bà N được hưởng.

[2]. Đối với yêu cầu đề nghị Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét: Mặc dù việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 580712 ngày 10/12/2009 của ỦY ban nhân dân huyện H cho hộ ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị L khi không

được sự đồng ý của các đồng thừa kế, không xác minh rõ nguồn gốc đất là chưa chính xác và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế của cụ D và cụ Ng, tuy nhiên khi xét xử vụ án đã giao quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất đối với thửa đất đó cho ông Nguyễn Văn Hoà và bà Nguyễn Thị L, vì vậy không cần thiết phải huỷ Giấy chứng nhận này.

[3]. Đối với yêu cầu ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông V, ông H, bà L cho bà M: tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử không xác định được số tiền 100.000.000 đồng do ai quản lý, nên không có cơ sở để ghi nhận. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, ông H đề nghị Tòa án ghi nhận tự nguyện hỗ trợ bà M 250.000.000 đồng. Số tiền này, ông H xin tự nguyện đứng ra nhận trách nhiệm, còn đóng góp như thế nào ông sẽ tự về bàn với anh em sau để giúp bà M tự lo chỗ ở mới. Sự tự nguyện hỗ trợ của bị đơn không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Đối với yêu cầu bổ sung của bà M yêu cầu chia thừa kế tài sản của bố mẹ bà để lại gồm: 02 chỉ vàng; 19.000.000 đồng (M chín triệu đồng chẵn); quyền sử dụng đất là 94m^2 đất trồng rau và tài sản trên đất này (ông V đang quản lý), về yêu cầu này Ng đơn đưa ra ở giai đoạn phúc thẩm vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét mà bà M có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có đủ điều kiện và có đơn khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông H cho Ng đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; ghi nhận bà N nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho Ng đơn không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do sửa bản án sơ thẩm theo nhận định như trên nên đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng xét thấy, ông Nguyễn Mạnh Q là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự.

- Điểm d, Khoản 1, Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

***** Xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16A/2017/DSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc xin chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị Ng. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ D là năm 1985 và thời điểm mở thừa kế của cụ Ng là năm 2009. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ D và cụ Ng gồm: Bà Nguyễn Thị H; Ông Nguyễn Mạnh Q; Bà Nguyễn Thị T; Ông Nguyễn Văn V; Bà Nguyễn Thị N; Ông Nguyễn Văn H; Nguyễn Thị M.

Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị Ng để lại là quyền sử dụng đất diện tích 72.2m^2 tại thửa đất số 362, tờ bản đồ số 7, địa chỉ Khu 4, Thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội, có giá trị là: 577.600.000đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị T nhường kỷ phần của mình cho ông Hoà sở hữu.

Giao ông Nguyễn Văn Hoà có quyền sử dụng diện tích đất 72,2m^2 thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ số 7, địa chỉ Khu 4, Thị trấn T, huyện H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 580712 do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 10/12/2009 và ông H, bà L sở hữu toàn bộ tài sản xây dựng trên thửa đất trên gồm : nhà 2 tầng 1 tum, sân gạch, bể nước, tường rào.

Ông Nguyễn Văn Hoà có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị N mỗi người là: 82.515.000đ (Tám mươi hai triệu, năm trăm M lăm nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H hỗ trợ thêm 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) cho bà Nguyễn Thị M để tạo dựng chỗ ở mới.

Không chấp nhận các yêu cầu khác của các đương sự.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu **4.125.750 đồng** (Bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là **4.500.000 đồng** (Bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008530 ngày 17/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Hoàn trả bà Nguyễn Thị M số tiền là **374.250 đồng** (Ba trăm, bảy mươi tư nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu **4.125.750 đồng** (Bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Hoà phải chịu **16.503.000 đồng** (M sáu triệu, năm trăm linh ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Mạnh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà M 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0007631 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 11 tháng 4 năm 2018.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Trung Trực